

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
“DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN  
TỪ ĐƯỜNG CAO TỐC HÀ NỘI – HẢI PHÒNG ĐẾN CẦU KHUÊ THEO  
HÌNH THỨC BT”**

**1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên Dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nội Quốc lộ 10 đoạn từ đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến cầu Khuê theo hình thức BT

- Địa điểm thực hiện dự án: các xã Kiến Thụy, An Hưng, An Khánh và Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (trước sáp nhập là huyện Kiến Thụy, An Lão và Tiên Lãng).

- Nhà đầu tư đề xuất dự án: Công ty Cổ phần dịch vụ cao ốc Masterise Lumiere Office (Masterise Lumiere Office .JSC). Địa chỉ: Lô TMDV-02 Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm, Xã Tân Dương, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Loại hình dự án: Dự án xây dựng công trình giao thông.

- Hình thức đầu tư: xây dựng mới tuyến đường kết hợp cải tạo, nâng cấp các đoạn tuyến hiện hữu.

- Cấp hạng dự án: Dự án nhóm A.

- Hình thức thực hiện: Xây dựng mới

- Quy mô, công suất: Đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nội Quốc lộ 10 đoạn từ đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến cầu Khuê theo hình thức BT theo Công trình giao thông cấp II (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng cấp công trình xây dựng trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 của Bộ Xây dựng:

- Tổng diện tích đất thực hiện dự án khoảng 69,25 ha.

- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nội Quốc lộ 10 đoạn từ đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến cầu Khuê theo hình thức BT theo Công trình giao thông cấp II với tổng chiều dài khoảng 7,47 km, trong đó:

+ Đoạn 1: từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến đường nối từ ĐT.354 - đường ven biển chiều dài khoảng 3,5km.

+ Đoạn 2: đi trùng Dự án ĐTXD tuyến đường nối tỉnh lộ 354 qua KCN Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy do UBND huyện Kiến



Thụy (cũ) làm Chủ đầu tư đang triển khai thi công trên chiều dài khoảng 0,8km với quy mô chiều rộng nền đường B=22m (Quyết định phê duyệt dự án số 2650/QĐUBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố). Đoạn này nghiên cứu bổ sung đoạn cải tuyến dài khoảng 1,4km nhằm tránh khu dân cư đông đúc dọc theo đường ĐT.354 và cải thiện hướng tuyến.

+ Đoạn 3: cầu Khuê mới và đường dẫn 2 đầu cầu có chiều dài khoảng 3,0km (bao gồm cầu).

+ Đoạn 4: đi trùng ĐT.354 qua thị trấn Tiên Lãng (cũ) đã thi công mở rộng với mặt cắt ngang mỗi phần đường xe chạy 14,5-15m trên chiều dài khoảng 0,5km thuộc Dự án Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 354 đoạn từ chân cầu Khuê đến cầu Minh Đức qua Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng do UBND huyện Tiên Lãng (cũ) làm Chủ đầu tư (Quyết định phê duyệt dự án số 1120/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện Tiên Lãng).

#### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

##### **1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư**

##### **1.4.1.1. Các hạng mục chính của công trình**

**(1) Phần đường:** Đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn từ đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến cầu Khuê theo quy mô đường trục chính đô thị, phù hợp quy hoạch chung thành phố Hải Phòng, với tổng chiều dài khoảng 7,03 km. Khối lượng thực hiện bao gồm xây dựng mới, cải tạo, mở rộng tuyến hiện trạng và hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

Đoạn 1: Từ cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến ĐT.354

Chiều dài khoảng ~5,6 km, được đầu tư xây dựng mới kết hợp cải tuyến cục bộ nhằm hạn chế giải phóng mặt bằng khu dân cư, khu tái định cư và các khu mộ tập trung. Tuyến đi qua khu vực chủ yếu là đất nông nghiệp, cắt qua một số kênh thủy lợi và đấu nối với tuyến đường từ ĐT.354 đi đường ven biển.

Thông số kỹ thuật chính: Quy mô nền đường khoảng Bnền ≈ 50,5 m, bao gồm mặt đường nhiều làn xe, dải phân cách, hè đường và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Đoạn 2: Đoạn đi trùng và mở rộng ĐT.354 (từ Km12+690 đến Km14+490)

Chiều dài khoảng ~1,8 km, được đầu tư cải tạo, mở rộng tuyến hiện trạng từ quy mô nền đường khoảng 12,0 m lên 50,5 m theo quy hoạch.

Khối lượng chính bao gồm:

Mở rộng nền, mặt đường;

Xây dựng hè đường hai bên, dải phân cách;

Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hạ tầng kỹ thuật;

Xây dựng đồng bộ đoạn đường dẫn hai đầu cầu Khuê.

Đoạn 3: Đoạn qua Cụm công nghiệp Tiên Lãng

Chiều dài khoảng ~0,8 km, hiện trạng đã được đầu tư với quy mô mặt cắt ngang

khoảng 45,5 – 47,0 m. Do điều kiện giải phóng mặt bằng phức tạp, đoạn này giữ nguyên hiện trạng để khai thác, chỉ thực hiện vượt nổi hình học nhằm đảm bảo đồng bộ toàn tuyến.

**(2) Phần cầu:** Cầu Khuê được đầu tư xây dựng mới vượt sông Văn Úc, bố trí song song và về phía hạ lưu cầu hiện hữu nhằm đảm bảo khai thác đồng bộ tuyến đường nổi Quốc lộ 5 – Quốc lộ 10. Công trình có tổng chiều dài khoảng 787 m, mặt cắt ngang gồm 02 đơn nguyên với tổng bề rộng 40,0 m, bố trí 7 làn xe ô tô, 1 làn xe máy/thô sơ và lề bộ hành, đáp ứng nhu cầu giao thông hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.

Về kết cấu, cầu gồm 3 nhịp, trong đó phần cầu chính sử dụng kết cấu dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực đúc hẫng cân bằng kết hợp hệ dây văng Extradados với sơ đồ nhịp (70+3×110+70)m; các nhịp cầu dẫn sử dụng dầm Super T bê tông cốt thép dự ứng lực. Giải pháp kết cấu này đảm bảo khả năng chịu lực, tính kinh tế và tạo điểm nhấn kiến trúc cho công trình.

Phần móng móng, trụ cầu sử dụng cọc khoan nhồi, đảm bảo ổn định trong điều kiện địa chất và thủy văn phức tạp của khu vực sông Văn Úc. Đường dẫn đầu cầu được thiết kế nền đắp đồng bộ với bề rộng cầu, xử lý nền đất yếu bằng cọc đất gia cố xi măng nhằm hạn chế lún. Tại một số vị trí, bố trí tường chắn bê tông cốt thép trên nền cọc để bảo vệ mái taluy và không ảnh hưởng đến luồng giao thông thủy.

**(3) Phần hầm chui:** Hầm chui được thiết kế đi dưới đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng tại vị trí giao cắt khoảng Km85+194, với tốc độ thiết kế  $V = 80$  km/h. Tuyến hầm bố trí trên đoạn thẳng, trắc dọc có bán kính đường cong lồi  $R = 2000$  m và độ dốc dọc  $i = 4\%$  ở hai đầu hầm. Kết cấu hầm gồm hai phần chính: hầm kín và hầm hở. Trong đó, hầm kín dài khoảng 80 m, chia thành 4 đốt (mỗi đốt ~20 m), kết cấu bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực đổ tại chỗ, dạng hộp với kích thước rộng 40,9 m, cao 6,1 m; bản đáy dày 2,0 m, tường và bản nắp dày 1,2 m, đặt trên nền xử lý bằng cọc đất – xi măng ( $D = 1,8$  m). Hai đoạn hầm hở dạng chữ U bố trí hai phía Bắc và Nam, mỗi bên dài 120 m, chia thành 12 đốt (mỗi đốt 20 m), kết cấu bê tông cốt thép đổ tại chỗ, chiều rộng tương tự hầm kín, chiều cao thay đổi theo địa hình, nền móng cũng được gia cố bằng cọc đất – xi măng.

Mặt cắt ngang hầm (cả hầm kín và hầm hở) có tổng bề rộng trong lòng 40,9 m, bố trí đầy đủ các làn xe và hạ tầng kỹ thuật phục vụ giao thông. Cụ thể gồm 2 chiều xe chạy với mỗi chiều 3 làn ô tô (rộng 3,75 m/làn), dải phân cách giữa rộng 2,0 m, dải an toàn và rãnh thoát nước hai bên, làn tăng/giảm tốc, cùng làn xe máy riêng biệt mỗi bên rộng 3,0 m. Thiết kế đảm bảo năng lực thông hành cao, an toàn giao thông và đồng bộ với quy mô toàn tuyến.

**(4) Thoát nước dọc:** Sử dụng rãnh BTCT dưới dải phân cách bên: Để thoát nước cho phần mặt đường xe chạy chính (12,25m mỗi bên), thiết kế rãnh thu nước bằng BTCT  $B=0,6$ m dưới dải phân cách bên, thu nước qua cửa thu. Mỗi đoạn rãnh trung bình khoảng 300m, nước trong đoạn rãnh sẽ thoát nước về cống dọc đặt dưới hè đường bằng cống tròn ngang.

**(5) Thoát nước ngang:** Xây dựng mới, Trên tuyến dự án bố trí các công trình thoát nước ngang gồm cống hộp và cống tròn với tổng số 21 công trình, trong đó có 11

cổng hộp và 10 cổng tròn. Cụ thể, cổng hộp bao gồm: 05 cổng khẩu độ  $1,25 \times 1,25$  m; 01 cổng khẩu độ  $1,50 \times 1,50$  m; 01 cổng khẩu độ  $3,00 \times 2,50$  m; 01 cổng khẩu độ  $3,00 \times 2,70$  m; 01 cổng khẩu độ  $3,00 \times 3,00$  m; 01 cổng khẩu độ  $4,00 \times 3,00$  m; và 01 cổng đôi  $2 \times (3,00 \times 3,00)$  m. Đối với cổng tròn, bố trí 08 cổng đường kính 1,25 m và 02 cổng đường kính 1,50 m.

**+ Các hạng mục công trình phụ trợ:**

(1) Thiết kế hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

**1.4.1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Bố trí mỗi công trường thi công 2 nhà vệ sinh di động
- Nước thải xây dựng: Xây dựng tại công trường thi công số 01 hệ thống cầu rửa bánh xe kích thước L x B x H khoảng (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 04 ngăn với tổng dung tích khoảng  $9,0 \text{ m}^3$  để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước, trong đó: bể gom có dung tích  $1,5 \text{ m}^3$ , bể tách dầu mỡ có dung tích  $1,5 \text{ m}^3$ , bể lắng cặn có dung tích  $1,5 \text{ m}^3$  và bể chứa nước sau xử lý có dung tích  $4,5 \text{ m}^3$ . Nước thải sau khi xử lý tách dầu mỡ, lắng cặn được chuyển về bể chứa để tái sử dụng lại toàn bộ, không xả thải ra môi trường; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải rắn khác của Dự án theo quy định.
- Bố trí 6 bãi thải, các vị trí dự kiến như sau:

**Bảng 1. Thống kê các vị trí bãi đổ thải**

STT	Ký hiệu	Tên bãi thải	Vị trí	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Cự ly vận chuyển (km)	Loại chất thải tiếp nhận	Ghi chú
1	Vị trí 01	Bãi thải Công ty Toàn Thắng	Xã Ngũ Lão, Thủy Nguyên (gần cầu Bến Rừng)	~2.000	Bể chứa 20 m <sup>3</sup> + xử lý liên tục	Đầu tuyến: ~32,5 km Cuối tuyến: ~37,1 km	Chất thải rắn, CTNH, bê tông, đất thải, mùn khoan	Có giấy phép xử lý, giá ~120.000 đ/m <sup>3</sup>
2	Vị trí 02	Bãi thải UBND xã An Hưng	Thôn Cao Mật, xã An Hưng (gần công Mai Dương)	12.000	66.000 – 87.000	Đầu tuyến: ~8,8 km Cuối tuyến: ~4,6 km	Đất thải, vật liệu rắn	Bãi rác cũ, vận chuyển bằng đường đê
3	Vị trí 03	Bãi thải xã An Hưng (ao, đầm)	Bên trái tuyến, xã An Hưng	9.300	32.550 – 37.200	Đầu tuyến: ~2,7 km Cuối tuyến: ~7,0 km	Đất thải	Sở hữu cá nhân
4	Vị trí 04	Bãi thải số 4 (2 khu)	Xã Kiến Thụy + xã An Hưng	5.700 + 1.000	8.550 + 2.250		Đất thải	Gồm đất trồng + ao
5	Vị trí 05	Bãi thải xã Tiên Lãng	Bên phải tuyến, xã Tiên Lãng	50.000	200.000 – 225.000	Đầu tuyến: ~6,7 km Cuối tuyến: ~0,5 km	Đất thải	
6	Vị trí 06	Bãi tập kết đất mặt	Các địa phương dọc tuyến	Không có định	Khối lượng bóc (~25cm đất lúa)	Gần khu vực thi công	Đất mặt nông nghiệp	Bàn giao cơ quan chức năng
<b>Tổng</b>				<b>~80.000</b>	<b>~309.370 – 360.020</b>			
<p>Tổng khối lượng đất, đá, bê tông thải được vận chuyển về 6 bãi thải khoảng 213.252,75m<sup>3</sup>. Với trữ lượng 6 bãi thải khoảng hơn 300.000 m<sup>3</sup> đủ đáp ứng nhu cầu tiếp nhận toàn bộ khối lượng đất thải phát sinh của dự án.</p>								

#### 1.4.2. Các hoạt động của Dự án

Các hoạt động của Dự án được xét theo 02 giai đoạn chính:

##### - Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Hoạt động san ủi, đào, đắp, xây dựng;
- + Hoạt động của trạm trộn bê tông;
- + Hoạt động kho bãi;
- + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng;
- + Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục đường, cầu, hầm chui;
- + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trên công trường.

##### - Giai đoạn hoạt động, vận hành:

- + Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông

#### 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP) về việc xác định dự án có yếu tố nhạy cảm, dự án có thu hồi 35,06 ha đất lúa 2 vụ là yếu tố nhạy cảm.

## 2. CÁC NỘI DUNG THAM VẤN

### 2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

#### 2.1.1. Vị trí, ranh giới dự án

Phạm vi khu vực thực hiện dự án khoảng 69,25 ha thực hiện trên 4 xã: Xã Kiên Thụy, xã An Hưng, xã An Khánh, xã Tiên Lãng.

#### 2.1.2. Hiện trạng sử dụng đất thuộc phạm vi Dự án

- Diện tích đất giải phóng mặt bằng của Dự án khoảng 69,25 ha (tổng số hộ bị ảnh hưởng khoảng 71 hộ), trong đó: đất ở khoảng 3,04 ha; đất thương mại dịch vụ khoảng 0,24 ha; đất nông nghiệp khoảng 39,29 ha; đất nuôi trồng thủy sản khoảng 0,62 ha; Đất nghĩa trang khoảng 0,9 ha; đất giao thông, thủy lợi khoảng 24,41 ha và đất khác khoảng 0,74 ha.

**Bảng 2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Xã Kiên Thụy	Xã An Hưng	Xã An Khánh	Xã Tiên Lãng	Tổng cộng
A	Diện tích đất GPMB	m <sup>2</sup>	148.390	428.463	71.880	43.747	692.480
1	Đất ở	m <sup>2</sup>	-	22.962	-	7.447	30.409
2	Đất thương mại dịch vụ	m <sup>2</sup>	-	1.195	-	1.241	2.437
3	Đất nông nghiệp	m <sup>2</sup>	81.395	250.515	59.365	1.649	392.925
4	Đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	119	5.197	867	-	6.183

TT	Hạng mục	Đơn vị	Xã Kiến Thụy	Xã An Hưng	Xã An Khánh	Xã Tiên Lãng	Tổng cộng
5	Đất nghĩa trang	m2	5.294	1.075	2.609	-	8.978
6	Đất giao thông, thủy lợi,...	m2	61.582	141.981	9.038	31.517	244.119
7	Đất khác		-	5.537	-	1.892	7.429
<b>B Số hộ dân GPMB</b>							
1	Số hộ GPMB toàn bộ (hộ chính)	hộ	-	65	-	6	71
2	Số hộ GPMB một phần	hộ					

- Dự án chiếm dụng, giải phóng mặt bằng khoảng 69,25 ha đất, trong đó có khoảng 71 hộ dân bị ảnh hưởng với tổng diện tích khoảng 43,85 ha (các loại đất: đất ở nông thôn; đất trồng lúa 02 vụ; đất trồng lúa khác; đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây lâu năm). Trong đó:

- + Xã An Hưng: có khoảng 65 hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp.
- + Xã Tiên Lãng: có khoảng 6 hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp.

### **2.1.3. Hiện trạng các công trình vật kiến trúc – nhà ở, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch**

#### **2.1.3.1. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan và dân cư**

##### **a. Hiện trạng kiến trúc, cảnh quan**

Hiện tại, việc kết nối từ trung tâm thành phố Hải Phòng đến các huyện cũ phía Tây Nam của Thành phố như An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo cũng như kết nối với Quốc lộ 10 để đi tỉnh Thái Bình cũ chủ yếu thông qua các trục đường chính: đường Trường Chinh, Trần Nhân Tông, ĐT.354 qua cầu Khuê, đường nối cầu Đàng, cầu Hàn, Quốc lộ 37... Các trục đường này hầu hết quy mô nhỏ (ngoại trừ đường Trường Chinh mặt đường rộng 15m, các đường khác rộng 7,0 - 11,0m); cầu trên tuyến chiều rộng nhỏ (11-12m); mật độ dân cư dọc hai bên đường cao; cự ly hành trình đi lại trên các tuyến đường dài... Dẫn đến việc đi lại và vận chuyển các hàng hóa phục vụ cho việc phát triển rất khó khăn, nguy cơ mất an toàn giao thông cao và thời gian di chuyển lâu, khó đáp ứng được các yêu cầu phát triển của thành phố đối với việc phát triển các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp ở các địa phương.

Đường Trường Chinh có điểm đầu tại cầu Niệm, ngang qua Cầu Lãm Khê, điểm cuối tại Ngã 6 Kiến An; là một đoạn của đường tỉnh 360 - tuyến đường huyết mạch nối từ trung tâm thành phố tới huyện An Lão. Hiện tại mặt cắt ngang rộng 26-30m, trong đó mặt đường mỗi bên khoảng 9,5m, dải phân cách giữa 1,0m, vỉa hè mỗi bên từ 3,0 - 5,0m.

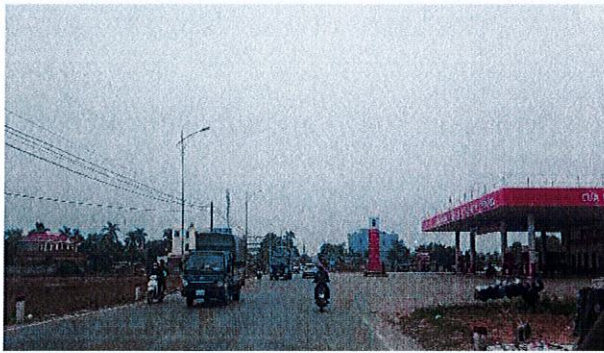
Đường Lê Duẩn có điểm đầu tại ngã 6 Quán Trữ, Kiến An; điểm cuối tại chân cầu Kiến An. Chiều rộng đường khoảng 30m, trong đó mặt đường khoảng 12m, hè đường mỗi bên 5-7m.

Đường Trần Nhân Tông có điểm đầu tại ngã 6 Quán Trữ, Kiến An; điểm cuối tại ngã 6 Kiến An. Chiều rộng đường khoảng 30m, hè đường mỗi bên 5-7m.

Đường tỉnh 354 đoạn từ ngã 5 Kiến An đến cầu Khuê hiện tại có chiều rộng nền đường 12m, mặt đường 11m. Mật độ dân cư hai bên đường cao.

Cầu Khuê bắc qua sông Văn Úc có chiều rộng cầu B=11m, trong đó mặt đường xe chạy 10m, gờ lan can 2x0,5m. Chiều dài cầu tính đến đuôi mố ~787m.

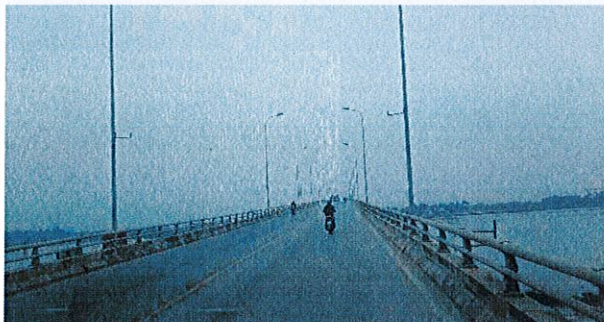
Một số hình ảnh khu vực dự án:



*(ĐT.354 khu vực Km8+050, An Lão)*



*(ĐT.354 khu vực đầu cầu Khuê, An Lão)*



*(Trên cầu Khuê)*



*(Nhà cửa khu vực đầu cầu Khuê, An Lão)*



*(ĐT.354 khu vực đầu cầu Khuê, Tiên Lãng)*



*(ĐT. 354 khu vực thị trấn Tiên Lãng, đoạn qua CCN Tiên Lãng)*



(Đường Trường Chinh)



(Đường Trần Nhân Tông)

### Hình 1. 1: Hiện trạng khu vực dự án

Cầu Khuê hiện trạng vượt qua sông Văn Úc nối huyện An Lão với Tiên Lãng (cũ), phía Bắc thuộc xã Chiến Thắng cũ (nay là xã An Hưng), phía Nam nối với thị trấn Tiên Lãng cũ (nay là xã Tiên Lãng); cầu được đưa vào khai thác từ năm 2009.

Cầu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực; chiều rộng cầu  $B_c = 11,0\text{m}$  (gồm mặt đường xe chạy  $10,0\text{m} +$  gờ lan can  $2 \times 0,5\text{m}$ ). Chiều dài cầu tính đến đuôi mố  $L_c = 787\text{m}$ .

Kết cấu phần trên gồm 13 nhịp bố trí theo sơ đồ như sau:  $(37,8+3 \times 38,5) + (70+3 \times 110+70) + (37,8+3 \times 38,5)\text{m}$ . Phần cầu chính: liên 5 nhịp dầm hộp liên tục bằng BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng với sơ đồ  $(70+3 \times 110+70)\text{m}$ ; cầu dẫn nhịp dầm super T bằng BTCT DƯL với chiều dài nhịp  $L=37,8 - 38,5\text{m}$ .

Kết cấu phần dưới: mố, trụ cầu bằng BTCT đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính  $D=1,2\text{m}$  đối với các trụ dẫn và  $D=1,5\text{m}$  đối với các trụ nhịp liên tục.

Tĩnh không thông thuyền theo thiết kế cầu cũ  $B \times H = (80 \times 10)\text{m}$ . Theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021, sông Văn Úc từ cầu Khuê đến ngã ba Cửa Dưa đến năm 2030 là sông cấp II, tương ứng chiều cao tĩnh không thông thuyền  $H = 7,0 - 9,5\text{m}$ , chiều rộng thông thuyền là  $B \geq 50\text{m}$  (theo tiêu chuẩn TCVN 5664-2009). Từ cầu Khuê đến cửa sông Văn Úc đổ ra biển là cấp đặc biệt, tĩnh không thông thuyền theo loại tàu khai thác.

Phía hạ lưu cách cầu Khuê khoảng 200m hiện trạng là một số đơn vị như Công ty CP đóng tàu Thái Bình Dương, Công ty TNHH thương mại Khiên Hà,... chuyên đóng mới và sửa chữa tàu biển kích cỡ lớn; phía hạ lưu cách cầu Khuê khoảng 16,3km (theo tim sông) hiện đã xây dựng cầu Văn Úc trên tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn thành phố Hải Phòng (UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt dự án tại Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 28/10/2016) đã được xây dựng với tĩnh không thông thuyền  $B \times H = (85 \times 32,6)\text{m}$  và  $(100 \times 25)\text{m}$ .

Về mật độ dân cư đầu cầu hiện tại có nhiều nhà dân, đặc biệt phía xã An Hưng dọc theo đường xuống bến phà cũ. Bên cạnh đó, hai đầu cầu hiện có một số lô cốt thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng.

## **b. Hiện trạng dân cư**

Khu vực công trình đầu mối cách xa khu vực dân cư. Điểm gần nhất là khu dân cư thuộc xã Ninh Sơn cũ theo đường núi.

### **2.1.3.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật**

Do dự án thực hiện trên công trình sẵn có là hồ chứa Đá Bàn đã có các hạng mục của công trình thuộc cụm công trình đầu mối và tuyến kênh tưới. Ngoài ra không có công trình hạ tầng kỹ thuật nào của địa phương nằm trong phạm vi dự án.

### **2.1.3.3. Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.**

#### **✦ Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và các đối tượng kinh tế-xã hội:**

Tuyến đường dự án đi qua địa bàn các xã thuộc khu vực đồng bằng ven đô thành phố Hải Phòng, nơi dân cư phân bố tương đối dày đặc theo các tuyến đường liên xã và khu vực canh tác nông nghiệp. Tại một số đoạn, đặc biệt khu vực từ Km7+460 đến Km8+020 và các vị trí giao cắt với đường hiện hữu, tuyến đi qua hoặc tiếp giáp trực tiếp khu dân cư, với khoảng cách từ tim tuyến đến nhà ở của người dân dao động từ 0 m đến khoảng 30 m. Các khu dân cư khác phân bố dọc tuyến có khoảng cách phổ biến từ 20 m đến 100 m, một số khu vực thưa dân hơn có khoảng cách từ 100 m đến khoảng 200 m.

Ngoài ra, trong phạm vi khoảng 100 m đến 500 m dọc theo tuyến còn có các công trình kinh tế - xã hội như trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trường học, trạm y tế, chợ dân sinh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

#### **✦ Khoảng cách từ dự án tới sông, ngòi, ao hồ kênh**

- Xây dựng cầu Khuê vượt sông Văn Úc (Km 13+700).
- Cắt trực tiếp qua các kênh thủy lợi (Km8+020 – Km9+860; Km11+230).
- Phân bố hệ thống mương nội đồng phân bố dày đặc dọc tuyến có khoảng cách gần nhất khoảng 0-50m

### **2.1.3.4. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.**

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP) các yếu tố nhạy cảm của môi trường của Dự án như sau:

- Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại phụ lục II, Nghị định 08/2022/NĐ-CP;
- Dự án không sử dụng đất, đất mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học;
- Dự án không sử dụng đất, đất mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

- Dự án không sử dụng đất đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng – là yếu tố nhạy cảm là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Dự án có thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa 2 vụ với 39,3 ha..

## **2.2. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:**

Dự báo các tác động môi trường chủ yếu, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư.

### **2.2.1. Nước thải, bụi, khí thải**

#### **2.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải**

##### *a) Giai đoạn xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên trong quá trình thi công xây dựng khoảng 9 m<sup>3</sup>/ngày, đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hoà tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình rửa xe, trộn vữa; rửa dụng cụ, thiết bị với lưu lượng khoảng 39,50 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng 1,59 m<sup>3</sup>/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), đất, cát.

##### *b) Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt: Không có hoạt động phát sinh.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng 4,51 m<sup>3</sup>/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), đất, cát.

#### **2.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

##### *a) Giai đoạn xây dựng:*

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng; từ hoạt động của các máy móc thi công; từ hoạt động bốc dỡ nguyên, vật liệu; từ hoạt động thi công xây dựng công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

##### *b) Giai đoạn vận hành:*

Bụi, khí phát sinh thải từ các phương tiện giao thông trên tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

### **2.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

#### **2.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường**

##### *a) Giai đoạn xây dựng:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên xây dựng trung bình khoảng 260 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

CTR thông thường trong GĐTC, xây dựng bao gồm:

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ bề mặt tại phần diện tích đất trồng lúa 02 vụ phát sinh khoảng 70.129,58 m<sup>3</sup>.

- Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng khoảng 0,37 tấn. Thành phần chủ yếu là bê tông, gạch vỡ, vỏ bao xi măng, đầu mẩu sắt, thép...

- Khối lượng đất bùn hữu cơ, đất, đá, chất thải từ hoạt động phá dỡ cần đổ thải: 213.252,75 m<sup>3</sup> và khoảng 402 m<sup>3</sup> đất lầy bentonite.

b) *Giai đoạn vận hành:*

Chất thải rắn từ quá trình bảo trì, vận hành các công trình khoảng 3,0 m<sup>3</sup>/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu là bê tông, cọc tiêu,...

### **2.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

a) *Giai đoạn xây dựng:*

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 48,84 kg/tháng; thành phần chủ yếu: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, găng tay dính dầu, ắc quy, pin thải, que hàn thải, bao bì nhựa chứa chất thải nguy hại,...

b) *Giai đoạn vận hành:*

Không có hoạt động phát sinh chất thải nguy hại.

### **2.2.3. Tiếng ồn, độ rung**

a) *Giai đoạn xây dựng:*

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của các máy móc thiết bị thi công.

b) *Giai đoạn vận hành:*

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến.

### **2.2.4. Quy mô, tính chất của các tác động khác**

a) *Giai đoạn xây dựng:*

- Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 69,25 ha (tổng số hộ bị ảnh hưởng khoảng 71 hộ), trong đó: đất ở khoảng 3,04 ha; đất thương mại dịch vụ khoảng 0,24 ha; đất nông nghiệp khoảng 39,29 ha; đất nuôi trồng thủy sản khoảng 0,62 ha; Đất nghĩa trang khoảng 0,9 ha; đất giao thông, thủy lợi khoảng 24,41 ha và đất khác khoảng 0,74 ha..

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá ảnh hưởng tới đến hệ sinh thái trên cạn và dưới nước, ảnh hưởng đến giao thông đường bộ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ

chức, cá nhân khu vực Dự án, hoạt động của các trường học, trụ sở dọc tuyến và có nguy cơ xảy ra sự cố úng ngập, xói lở, sạt lở,...

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình, hoạt động đổ thải có nguy cơ tràn đổ bùn đất, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Hoạt động tập trung cán bộ công nhân viên xây dựng có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

*b) Giai đoạn vận hành:*

- Nguy cơ mất an toàn đập, hồ chứa.

- Xung đột trong sử dụng nguồn nước.

- Tác động tới hệ sinh thái, tài nguyên sinh vật.

- Các sự cố trong quá trình vận hành đường ống

### **2.3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư**

#### **2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

##### **2.2.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

*a) Giai đoạn xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt tại mỗi công trường thi công 02 nhà vệ sinh di động, dung tích mỗi nhà vệ sinh di động khoảng 3,0 m<sup>3</sup> để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt: Bố trí 1 bể lắng 3 ngăn dung tích khoảng 3,0 m<sup>3</sup> tại khu vực lán trại để thu gom, xử lý nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo, ăn uống, vệ sinh bát đĩa. Rác sau khi tách phải được thu gom, xử lý cùng rác thải phát sinh trên công trình.

+ Nước thải rửa tay chân được dẫn vào hố gas (kích thước 1,0 m<sup>3</sup>) để xử lý cặn, các chất lơ lửng có kích thước lớn, sau đó tiếp tục cho chảy qua ngăn sỏi lọc (kích thước 1,0 m<sup>3</sup>) để lọc sạch các chất lơ lửng, cặn lắng có kích thước nhỏ hơn, sỏi lọc có khả năng hấp thụ các chất ô nhiễm trong nước thải sau đó tiếp tục cho chảy qua ngăn chứa sau xử lý (kích thước 1,0 m<sup>3</sup>) và được tái sử dụng cho hoạt động tưới nước làm ẩm, rửa thiết bị.

+ Quy trình: Nước thải rửa tay chân, tắm giặt → Hố gas → Ngăn lọc sỏi → Ngăn chứa → Tái sử dụng cho đập bụi, rửa thiết bị.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

- Nước thải thi công:

Xây dựng tại công trường thi công số 01 hệ thống cầu rửa bánh xe kích thước L x B x H khoảng (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 04 ngăn với tổng dung tích

khoảng 9,0 m<sup>3</sup> để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước, trong đó: bể gom có dung tích 1,5m<sup>3</sup>, bể tách dầu mỡ có dung tích 1,5m<sup>3</sup>, bể lắng cặn có dung tích 1,5m<sup>3</sup> và bể chứa nước sau xử lý có dung tích 4,5m<sup>3</sup>. Nước thải sau khi xử lý tách dầu mỡ, lắng cặn được chuyển về bể chứa để tái sử dụng lại toàn bộ, không xả thải ra môi trường; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải rắn khác của Dự án theo quy định.

+ Quy trình thực hiện: Nước thải từ hoạt động vệ sinh bánh xe phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → Bể gom → Tách dầu (váng dầu được thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án) → Lắng cặn → Bể chứa → Tuần hoàn tái sử dụng toàn bộ.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý: nước thải sau khi xử lý được tuần hoàn, tái sử dụng để tưới nước làm ẩm khu vực công trường thi công.

*b) Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt: Không phát sinh.
- Nước thải xây dựng: Không phát sinh.
- Nước mưa chảy tràn: được thu gom bởi hệ thống tiêu thoát nước khu vực.

#### **2.2.1.4. Đối với xử lý bụi, khí thải**

*a) Giai đoạn xây dựng:*

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất, đá dư thừa,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại công trường, phun nước khu vực công trường và khu vực tuyến với tần suất tối thiểu 04 lần/ngày vào những ngày hanh khô; đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; không thi công và vận chuyển vào giờ cao điểm từ 22h đến 6h sáng gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và dọc tuyến đường vận chuyển.

- Che phủ bạt đối với các khu vực tập kết nguyên vật liệu; các bãi chứa đất tạm thời được quây kín bằng bạt, lưới chắn bụi hoặc vật liệu tương đương nhằm hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Dừng, không thi công các công việc liên quan đến đào, đắp, vận chuyển đất đá trên các tuyến đường vào các thời điểm cao điểm về giao thông trong ngày (từ 6h đến 7h30; từ 10h30 đến 12h, từ 16h30 đến 18h, dừng thi công từ 22h đến 6h sáng ngày hôm sau).

- Cam kết thu dọn ngay đất, cát, vật liệu rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển, khu vực tiếp cận công trường thi công nếu để xảy ra trường hợp rơi vãi vật liệu trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa các xe, máy móc thi công dự án.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, cương quyết xử lý các sai phạm nếu nhà thầu không tuân thủ cam kết đã đề ra.

- Lắp dựng hàng rào tôn xung quanh công trường thi công, vị trí thi công gần các khu/điểm dân cư, trường học; phun nước tưới ẩm thường xuyên (trường hợp thời tiết nắng nóng, khô hạn cần phun nước thường xuyên hơn với tần suất 1 - 2 giờ/lần) đảm bảo hạn chế tối đa bụi, khí thải phát tán vào môi trường không khí xung quanh.

+ Nguồn cung cấp nước: Nước cấp cho thi công và sinh hoạt sẽ được lấy từ nguồn nước sạch thuộc địa phương trong khu vực dự án. Đơn vị thi công sẽ làm việc đơn vị có chức năng để thỏa thuận về việc lấy nước phục vụ trong thi công và sinh hoạt.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

*b) Giai đoạn vận hành:*

- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng mặt đường nhằm hạn chế tối đa lớp bê tông bị lão hoá; phun nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

**2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

**2.3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường**

*a) Giai đoạn xây dựng:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động tại công trường khoảng 90 kg/ngày được thu gom, phân loại vào 04 thùng rác dung tích 120 lít/thùng/công trường thi công, có nắp đậy; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định, đáp ứng các yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch số 2957/KH-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Thu gom toàn bộ khối lượng chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp phát quang mặt bằng được thu gom, tận dụng triệt để và xử lý theo đúng quy định.

- Khối lượng đất đào tầng mặt của đất lúa nước chuyên dùng (LUC) được tận dụng vào mục đích nông nghiệp (trồng cỏ mái taluy của Dự án) theo quy định của Luật Trồng trọt.

- Đất lẫn bentonite và dung dịch bentonite phát sinh từ quá trình khoan cọc nhồi được thu gom và hợp đồng với Đơn vị chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng rác trên công trường; không thải chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường xung quanh.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ đất, đá về 6 bãi thải đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường. Trường hợp đất đá đào trong phạm vi Dự án được xác định là vật liệu xây dựng, thực hiện thủ tục đăng ký, tận thu đối với lượng đất đá đào trong phạm vi Dự án theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản.

*b) Giai đoạn vận hành:*

Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

**2.3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

*a) Giai đoạn xây dựng:*

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công tại khu vực dự án.

- Đối với mỗi loại chất thải nguy hại phát sinh, bố trí 05 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy/công trường thi công, dung tích 120 lít/thùng có gắn mã phân định chất thải nguy hại theo quy định và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có mái che (diện tích khoảng 5,0 m<sup>2</sup>), có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định.

- Chủ dự án cam kết bố trí khu vực lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi loại chất thải nguy hại được bố trí riêng vào từng thùng chứa chuyên dụng có dán nhãn theo quy định, có nắp đậy để lưu trữ chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại và thực hiện chuyển giao, lập chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với tổ chức có chức năng theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ chất thải nguy hại trong thùng chứa; không thải chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

*b) Giai đoạn vận hành:*

- Không vận hành.

**2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

*a. Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn/bạt xung quanh khu vực thi công gần các khu dân cư, trường học; không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn như máy đào, máy lu, ... (tại các điểm gần khu dân cư, trường học, trụ sở); các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh; bảo đảm các phương tiện vận chuyển luôn chở đúng tải trọng cho phép; sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động.

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ. Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án.

- Các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; sử dụng các thiết bị có mức rung nguồn thấp; ghi nhận hiện trạng các công trình trước khi thi công. Không sử dụng cùng lúc các máy móc có tiếng ồn, độ rung lớn.

- Đối với công nhân làm việc trên công trường phải được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động phù hợp để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi tới sức khỏe.

*b. Giai đoạn vận hành:* Không có

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

#### **2.3.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

##### **❖ Nước mưa chảy tràn:**

Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa tạm thời có dạng hình thang, kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) khoảng (0,4 x 0,2 x 0,2) m và hố lắng kích thước L x B x H khoảng (0,5 x 0,5 x 0,5) m/hố với khoảng cách khoảng 100 m/hố lắng xung quanh công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất, đá thải của Dự án.

Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống rãnh thu gom nước mưa vào hố lắng → Lắng cặn → Môi trường.

- Tại khu vực bãi tập kết vật liệu thừa sử dụng bạt che phủ để tránh hiện tượng rửa trôi gây thất thoát và ô nhiễm môi trường. Đào hệ thống rãnh đất xung quanh để thu gom, thoát nước mưa chảy tràn bề mặt. Kích thước rãnh rộng x sâu = 1m x 0,6m; trên tuyến rãnh cách 50 - 100m đào 1 hố ga kích thước dài x rộng x sâu = 2m x 1m x 1m để thu gom và lắng đọng chất rắn lơ lửng.

- Thi công theo trình tự được phê duyệt. Đất được vận chuyển từ vị trí đào chuyển sang vị trí đắp gần nhất, san gạt đến đâu đầm lèn chặt đến đó. Thực hiện che phủ bạt kín bãi tập kết vật liệu, bãi tập kết đất đào...

- Nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa, hố ga định kỳ 01 tháng/1 lần và ngay trước, sau các trận mưa để đảm bảo hiệu quả xử lý, bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất, đá thải của Dự án.

##### **❖ Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội**

Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; tuyên truyền nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân viên; phối hợp với cơ quan chức năng, đảm bảo an ninh trật tự.

##### **❖ Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất**

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện đền bù đất, tài sản trên đất, các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất theo đúng quy định; đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng.

- Thực hiện thanh thải, dọn dẹp và cải tạo phục hồi môi trường tại các công trường thi công theo quy định, đảm bảo thoát nước, an toàn môi trường và cảnh quan khu vực Dự án.

#### ❖ Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

- Lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông được biết.

- Làm đường tạm trong trường hợp thi công gây ảnh hưởng tới hoạt động đi lại của các tổ chức, cá nhân.

#### ❖ Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái

Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng và đất canh tác của người dân dọc tuyến; bố trí cống thoát nước qua đường với kích thước phù hợp theo thỏa thuận với địa phương để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước theo đúng yêu cầu; bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án; thực hiện hoàn nguyên môi trường và thanh thải lòng kênh mương khu vực Dự án ngay sau khi kết thúc thi công.

### 2.3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

#### a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sự cố thời tiết bất thường, xói mòn, sạt lở: Dừng không thi công vào thời điểm có mưa; hạn chế thi công vào mùa mưa lũ. Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa tạm thời có dạng hình thang, kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) khoảng (0,4 x 0,2 x 0,2) m và hố lắng kích thước L x B x H khoảng (0,5 x 0,5 x 0,5) m/hố với khoảng cách khoảng 100 m/hố lắng xung quanh công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất, đá thải của Dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, làm lán trại gần bờ sông/suối.

- Sự cố tai nạn giao thông: Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công; bố trí nhân sự để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông.

- Sự cố đối với đường dây hạ thế: Đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo đúng quy định. Thỏa thuận các biện pháp an toàn với đơn vị quản lý công trình lưới điện khi tiến hành thi công.

- Sự cố sạt lở bãi thải: Đồ thải theo đúng khối lượng tiếp nhận và chiều cao đồ thải đã được xác định. Sử dụng đá thải để kê và lu lèn chân bãi thải để giảm thiểu tối đa sự cố sạt lở. Trong trường hợp xảy ra sự cố, thực hiện dừng hoạt động đồ thải, tiến hành khắc phục sự cố, đền bù cho người dân trong trường hợp ảnh hưởng tới đất của các hộ dân bên cạnh.

### **b. Giai đoạn vận hành**

- Sự cố tai nạn giao thông: Phổ biến, tuyên truyền cho người dân về các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến. Nâng cao ý thức bảo vệ các công trình phòng hộ như tường chắn nền đường, ...

- Sự cố sụt lún công trình: Thực hiện giám sát sụt lún đất để kịp thời phát hiện và xử lý trường hợp sụt lún (nếu xảy ra).

- Sự cố xói lở, sụt trượt: Bố trí hệ thống rãnh thoát nước, cống dọc, cống ngang... đảm bảo thoát nước mặt tránh gây xói lở, sụt trượt.

## **2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường**

Chủ đầu tư đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

### **2.4.1. Trong giai đoạn thi công**

Tuân thủ các quy định kỹ thuật quan trắc và quản lý thông tin dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ dự án thực hiện quan trắc giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng với các nội dung chính về quan trắc như sau:

#### **a. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Giám sát môi trường không khí, ồn, rung:

+ Vị trí giám sát: 04 vị trí giám sát (tương ứng với 04 công trường thi công)

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2025/BNNMT; QCVN 27:2025/BNNMT.

- Giám sát môi trường nước mặt:

+ Vị trí giám sát: 04 vị trí giám sát (tương ứng với 04 công trường thi công)

+ Thông số giám sát: pH, Ôxy hòa tan (DO), Độ dẫn điện (EC), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu ôxy sinh hóa ( $BOD_5$ ), Nhu cầu ôxy hóa học (COD), Amoni ( $NH_4^+$  tính theo N), Nitrit ( $NO_2^-$  tính theo N), Nitrat ( $NO_3^-$  tính theo N), Tổng Nitơ, Photphat ( $PO_4^{3-}$  tính theo P), Tổng Photpho, Coliform, E. Coli, Sắt (Fe), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Mangan (Mn), Tổng Crom (Cr), Thủy ngân (Hg), Asen (As), Cadimi (Cd), Clorua ( $Cl^-$ ), Sunphat ( $SO_4^{2-}$ ), Tổng dầu, mỡ.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Thông số giám sát: Lượng đất đá thải phát sinh; công tác lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý đất đá thải. Vị trí đổ đất đá loại: Giám sát quá trình đổ thải đúng nơi quy định, quản lý và bảo vệ môi trường tại bãi đổ đất.

+ Vị trí giám sát: Tại các vị trí lưu giữ tạm thời đất đá loại. Tại bãi đổ đất đá thải.

+ Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên bởi cán bộ giám sát thi công.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Lịch thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Số lượng, chất lượng của các thùng thu gom rác.

+ Vị trí giám sát: Tại lán trại công nhân.

+ Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên trong giai đoạn thi công.

- Giám sát chất thải nguy hại:

+ Thông số giám sát: Khối lượng, mã chất thải phát sinh.

+ Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ.

+ Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- Giám sát tình trạng ngập úng, trượt lở, sạt lở.

+ Vị trí giám sát: dọc tuyến thi công Dự án.

+ Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên trong thời gian thi công, xây dựng.

### 3. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

- Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các quy định liên quan về đánh giá tác động môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu, không chể ô nhiễm đã đề ra để đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam.

- Trong quá trình thi công, xây dựng, Chủ dự án cam kết đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn Việt Nam về yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; (Được chỉnh sửa, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP)

+ Đối với nước thải thi công, xây dựng: xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công, xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công, xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi tuần hoàn tái sử dụng; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Đối với bụi, khí thải: quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Đối với thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường: thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ CTR thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Được chỉnh sửa, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP)

+ Đối với CTNH: thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường( được chỉnh sửa bởi Thông tư số 07/2025/TT- và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Được chỉnh sửa, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP)

- Chủ dự án cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện có liên quan đến môi trường:

+ Phối hợp với UBND các xã: cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất, loại đất trong kế hoạch sử dụng đất cấp xã/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp xã theo quy định.

+ Phối hợp với UBND các xã: rà soát các chỉ tiêu sử dụng đất triển khai thực hiện theo quy định Điều 2 Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt

điều chỉnh.

+ Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chấp thuận danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình đo đạc, kiểm đếm diện tích, loại đất thu hồi và tài sản của người dân bị ảnh hưởng nằm trong khu vực giải phóng mặt bằng thực hiện dự án để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án, không gây bức xúc trong nhân dân.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương quản lý, đổ thải đúng vị trí đã được thống nhất, không làm ảnh hưởng đến diện tích, lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Nếu phát hiện đơn vị thi công, tổ chức, cá nhân san ủi, đào bới, đổ thải, ... ngoài phạm vi thực hiện dự án sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

+ Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

+ Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc cải tạo kênh, mương, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho người dân khu vực Dự án.

+ Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hệ thủy sinh và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình thi công, xây dựng.

+ Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn giao thông đường bộ, giao thông thủy và phòng chống lụt bão.

+ Thực hiện các biện pháp phòng chống xói mòn, sạt lở; theo dõi liên tục, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng xói mòn, sạt lở tại khu vực Dự án trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án; trong quá trình thi công nếu để xảy ra sạt lở ảnh hưởng đến các công trình khu vực sẽ dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

+ Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

+ Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công và thanh thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

+ Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

+ Cam kết chỉ thực hiện dự án sau khi được nhận bàn giao mặt bằng sạch.

+ Cam kết sẽ thực hiện hợp đồng, thoả thuận cung cấp vật liệu xây dựng tại các cơ sở đã được cấp phép theo quy định.

+ Cam kết thực hiện quản lý lượng đất đá phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản; đăng ký quy mô công suất, phương pháp khai thác, thiết bị sử dụng theo đúng quy định của Luật Địa chất và khoáng sản; lập hồ sơ, gửi về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, cho phép sử dụng và chỉ được đổ thải tại các vị trí đã được thoả thuận với chính quyền địa phương.

+ Cam kết đổ thải đúng vị trí đã thống nhất và đảm bảo khối lượng đổ thải theo trữ lượng từng vị trí, quá trình vận chuyển đổ thải đảm bảo tải trọng, che phủ bạt không làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại của khu vực thực hiện dự án.

+ Cam kết trong quá trình dự án vẫn đang triển khai thực hiện, sau khi đã được đổ thải, Chủ Dự án giữ nguyên công năng sử dụng, không thay đổi khu vực bãi đổ thải.

+ Cam kết hoàn trả các tuyến đường giao thông hư hỏng, xuống cấp nếu có sử dụng phục vụ thi công dự án.

+ Cam kết phối hợp với các nhà thầu thi công giám sát vận tải theo quy định của Luật Giao thông, phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực thực hiện dự án.

+ Cam kết phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, kết hợp giám sát cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án; các chỉ tiêu giám sát phải đảm bảo theo đúng các quy chuẩn hiện hành; thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý và giám sát môi trường, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các giai đoạn của dự án.

+ Cam kết bố trí tải trọng xe, thời gian vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án hợp lý; quản lý tốt công nhân thi công; phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình thi công để đảm bảo an ninh trật tự khu vực thực hiện dự án.

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

+ Cam kết yêu cầu nhà thầu thi công đảm bảo các phương tiện vận chuyển tuân thủ đúng tải trọng quy định. Nếu có hư hỏng xảy ra đối với nền, mặt đường, công trình

hoặc kết cấu hạ tầng giao thông do vận chuyển quá tải, nhà thầu phải chịu trách nhiệm sửa chữa và hoàn trả; trường hợp để xảy ra mất an toàn giao thông, tai nạn giao thông chủ đầu tư phải kịp thời khắc phục thiệt hại, đồng thời phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan chức năng và trước pháp luật.

+ Chủ Dự án sẽ kịp thời khắc phục thiệt hại, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan chức năng và trước pháp luật trường hợp để xảy ra mất an toàn giao thông, tai nạn giao thông.

+ Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, phản ánh của người dân về các nội dung liên quan, do việc triển khai thực hiện dự án gây ra; đồng thời có phương án hỗ trợ, đền bù thiệt hại phát sinh của dự án liên quan trực tiếp đến lợi ích của người dân (nếu có).

+ Cam kết chỉ đạo các đơn vị thi công có phương án đảm bảo giao thông, hạn chế ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân trên tuyến khi triển khai dự án và trên tuyến đường chở nguyên vật liệu phục vụ dự án.

+ Cam kết thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng đường giao thông sau khi kết thúc dự án.

+ Niêm yết quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án tại UBND cấp xã nơi triển khai thực hiện dự án.

- Cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo. Nếu có gì sai trái, Chủ Dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VTh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CAO ÔC  
MASTERISE LUMIERE OFFICE**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
VŨ HẢI ĐĂNG**